

KÝ HIỆU:

- 1 UBND+ VH TT
2 TRẠM Y TẾ
3 CHỢ
4 TRƯỜNG MẦM NON
5 TRƯỜNG TIỂU HỌC
6 TRƯỜNG THCS
7 SÂN VẬN ĐỘNG TRUNG TÂM XÃ
8 NGHĨA TRANG LIỆT SỸ
9 ĐÌNH, CHÙA, DI TÍCH
10 KHU ĐẤT CÔNG CỘNG CỦA XÃ (THU VIỆN + NHÀ TRUYỀN THỐNG...)
11 NHÀ VĂN HÓA CÁC THÔN
12 NHÀ THỜ ĐẠO
13 CHÙA SUM
14 QUỶ TÍN DỤNG NHÂN DÂN
15 TRỤ SỞ CÔNG AN
16 BÃI ĐÓ XE

KÝ HIỆU LỎ
A B DIỆN TÍCH QUY HOẠCH (HA)

BẢNG CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT CÁC CTCC XÃ

STT	Hạng mục công trình	DV	Diện tích QH	Tăng/giảm
1	UBND xã	ha	0,95	0
2	Trạm y tế	ha	0,58	0
3	Chợ	ha	0,22	0,18
4	Trường mầm non	ha	0,86	0,48
5	Trường Tiểu học	ha	1,00	0,32
6	Trường THCS	ha	1,13	0,47
7	Sân thể thao trung tâm	ha	1,13	0,38
8	Nghĩa trang liệt sỹ	ha	0,37	0
9	Nhà văn hóa các thôn :	ha	0,52	-0,15
9.1	Thôn Văn Mạc	ha	0,12	0
9.2	Thôn Mạc Đông	ha	0,12	0
9.3	Thôn Tiểu Xá	ha	0,09	-0,01
9.4	Thôn Mạc Thủ 1	ha	0,14	-0,01
9.5	Thôn Mạc Thủ 2	ha	0,05	-0,13
10	Sân thể thao các thôn :	ha	1,10	1,10
10.1	Thôn Văn Mạc	ha	0,21	0,21
10.2	Thôn Mạc Đông	ha	0,23	0,25
10.3	Thôn Tiểu Xá	ha	0,20	0,2
10.4	Thôn Mạc Thủ 1	ha	0,23	0,23
10.5	Thôn Mạc Thủ 2	ha	0,21	0,21
11	Trụ sở công an	ha	0,19	0,1
12	Đất công cộng khác (thư viện, nhà truyền thống...)	ha	0,17	0,63

KÝ HIỆU

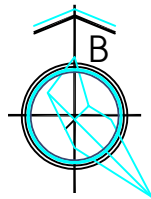
- TRỤ SỞ UBND XÃ
TRƯỜNG TIỂU HỌC
TRƯỜNG MẦM NON
TRƯỜNG THPT
BUU ĐIỆN VĂN HÓA
TRẠM XĂNG DẦU
NGHĨA TRANG LIỆT SỸ
NGHĨA TRANG, NGHĨA ĐỊA
ĐIỂM TRUNG CHUYỂN CHẤT THẢI RẮN
BÃI ĐÓ XE
SÂN THỂ DỤC THỂ THAO
CÔNG TRÌNH VĂN HÓA
TÔN GIÁO, TÍN NGƯỞNG, DI TÍCH
CHỢ
TRẠM Y TẾ
CẦU

- BIÊN GIỚI XÃ
BIÊN GIỚI KHU SINH THÁI SÔNG HƯƠNG
ĐƯỜNG QUY HOẠCH MỚI
ĐƯỜNG CẢI TẠO, NÂNG CẤP

BẢNG CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT

TT	HẠNG MỤC	Hiện trạng ha	Tăng giảm ha	Quy hoạch ha	Tỷ lệ %
Tổng diện tích tự nhiên		726,49		726,49	100,00
I	Đất nông nghiệp	488,65	-77,83	410,81	56,55
1	Đất trồng lúa	3,04	0,00	3,04	0,42
2	Đất trồng cây hàng năm khác	3,18	0,00	3,18	0,44
3	Đất trồng cây lâu năm	476,44	-77,83	398,60	54,87
4	Đất nuôi trồng thủy sản	5,99	0,00	5,99	0,82
5	Đất nông nghiệp khác	0,00	0,00	0,00	0,00
II	Nhóm đất phi nông nghiệp	216,35	79,83	296,18	40,77
1	Đất ở	113,56	25,03	138,59	19,08
2	Đất công cộng	2,82	25,47	28,29	3,89
2.1	Đất xây dựng trụ sở (c. quan, c. trình sự nghiệp)	0,49	0,00	0,49	0,07
2.2	Đất an ninh	0,00	0,10	0,10	0,01
2.3	Đất cơ sở y tế	0,18	0,00	0,18	0,02
2.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	1,55	1,88	3,43	0,47
2.5	Đất xây dựng cơ sở văn hóa, công cộng	0,35	0,49	0,84	0,12
2.6	Đất chợ, Dịch vụ	0,26	23,00	23,26	3,20
2.7	Đất truyền dẫn NL, truyền thông	0,00	0,00	0,00	0,00
3	Đất cây xanh	0,00	1,70	1,70	0,23
4	Đất thể dục thể thao	1,77	1,49	3,26	0,45
5	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	2,47	0,00	2,47	0,34
5.2	Đất tôn giáo	1,84	0,00	1,84	0,25
5.3	Đất tín ngưỡng	0,64	0,00	0,64	0,09
6	Đất công nghiệp	0,00	0,00	0,00	0,00
7	Đất sản xuất kinh doanh	0,00	3,45	3,45	0,47
8	Đất hạ tầng kỹ thuật	55,74	22,69	78,43	10,80
8.1	Đất giao thông	50,24	20,86	71,11	9,79
8.2	Đất bãi thải sự lý chất thải	0,37	1,19	1,56	0,22
8.3	Đất nghĩa trang nghĩa địa	5,12	0,64	5,76	0,79
9	Đất di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh	0,00	0,00	0,00	0,00
10	Đất phục vụ sản xuất (thủy lợi, phi NN khác)	39,99	0,00	39,99	5,50
11	Đất công cộng khác	0,00	0,00	0,00	0,00
III	Đất khác	21,49	-2,00	19,49	2,68
1	Đất sông, ngòi, kênh, rạch	21,49	-2,00	19,49	2,68
2	Đất mặt nước chuyên dùng	0,00	0,00	0,00	0,00

HOA GIÓ:



KÝ HIỆU SỬ DỤNG ĐẤT:

HIỆN TRẠNG	QH MỚI NGẮN HẠN	QH MỚI DÀI HẠN
ĐẤT CÔNG CỘNG		
ĐẤT CƠ QUAN, ĐẤT XÂY DỰNG CÁC CHỨC NĂNG KHÁC		
ĐẤT AN NINH, QUỐC PHÒNG		
ĐẤT TRẠM Y TẾ		
ĐẤT TRƯỜNG HỌC		
ĐẤT CÂY XANH, THỂ DỤC THỂ THAO		
ĐẤT Ở		
ĐẤT TÔN GIÁO, TÍN NGƯỞNG		
ĐẤT NÔNG NGHIỆP KHÁC		
ĐẤT NGHĨA TRANG, NGHĨA ĐỊA		
ĐẤT SÔNG, NGÒI, KÊNH, RẠCH		
ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN		
ĐẤT CÔNG NGHIỆP, TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP, LÃNG NGHỆ		
ĐẤT TRỒNG TRỌT KHÁC		
ĐẤT CHỢ, THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ		
ĐẤT XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN		
ĐƯỜNG HIỆN TRẠNG/CẢI TẠO		
RANH GIỚI HÀNH CHÍNH XÃ		

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ

Kèm theo quyết định số: .../QĐ-UBND, ngày: .../.../... năm 2023

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG

Kèm theo tờ trình số: .../TT-UBND, ngày: .../.../... năm 2023

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ LIÊN MẠC

Kèm theo tờ trình số: .../TT-UBND, ngày: .../.../... năm 2023

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ LIÊN MẠC
HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG ĐẾN NĂM 2030

TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

BẢN VẼ: QH - 04	GHÉP: 1A0	TỶ LỆ: 1/5.000	NT: 2023
THIẾT KẾ	KTS. LÊ THỊ TRÂM MY		
CHỦ TRÌ HẠ TẦNG KỸ THUẬT	THS. K.S. PHẠM ĐỨC NHƯỜNG		
CHỦ NHIỆM, CHỦ TRÌ QH	KTS. PHẠM QUANG DIỄN		
TRƯỞNG PHÒNG	K.S. TRẦN VĂN QUÝ		
Q.L. KỸ THUẬT	THS. K.S. NGUYỄN VĂN HÒA		

GIÁM ĐỐC:
THS. KTS. TRẦN VIỆT THẮNG

SỞ XÂY DỰNG HẢI DƯƠNG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN
ĐỊA CHỈ: SỐ 5 ĐƯỜNG THANH NIÊN, THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG
TEL: 0220.833.457